

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất
của Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Công trình: Quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và
giải trí cao cấp Nhơn Lý

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp Nhơn Lý;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 658/TTr-BQL ngày 07/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất tại Điểm 4, Điều 1 Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công trình: Quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp Nhơn Lý, như sau:

Tổng diện tích quy hoạch xây dựng là 183,74ha, cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	MĐ XD (%)	Diện tích XD (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	HS SDD (lần)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)	Số lô	Dân số (người)
	Tổng cộng		1.837.400	5,29	97.229	285.872	0,16	1-10	100	566	3.082
A	Sân golf 18 lỗ		705.601	1,56	11.000	21.000	0,03	1-3	38,40		
1	Đất câu lạc bộ điều hành sân golf	CL-1	31.259	16,0	5.000	15.000	0,48	3	1,70		
2	Đất khu chơi golf link + Bãi đậu trực thăng	G1+ G2	674.342	0,89	6.000	6.000	0,01	1	36,7		

B	Khu du lịch nghỉ dưỡng quốc tế		1.131.799	7,62	86.229	264.872	0,23	1-10	61,60	566	3.082
1	Các công trình dịch vụ công cộng		204.139	13,86	28.300	63.800	0,31	1-3	11,11		
1.1	Cầu lạc bộ biển	BC	6.715	29,78	2.000	4.000	0,60	2	0,37		
1.2	Nhà Spa	SPA	11.345	22,04	2.500	5.000	0,44	2	0,62		
1.3	Nhà hàng	R1	6.033	33,15	2.000	4.000	0,66	2	0,33		
1.4	Khu tâm linh	TP	3.994	30,05	1.200	1.200	0,30	1	0,22		
1.5	Khu vui chơi trẻ em	K	6.836	29,26	2.000	2.000	0,29	1	0,37		
1.6	Khu thể thao	SP	16.057	3,74	600	600	0,04	1	0,87		
1.7	Nhà hội nghị đa năng Quốc tế	CO	15.170	19,78	3.000	6.000	0,40	2	0,83		
1.8	Sân tập golf	GP	73.065	2,74	2.000	2.000	0,03	1	3,98		
1.9	Khu thương mại quảng trường	SQ	64.924	20,02	13.000	39.000	0,60	3	3,53		
2	Đất ở		313.454	16,47	51.629	188.572	0,60	1-10	17,06	566	3.082
2.1	Đất ở biệt thự		230.171	17,92	41.254	84.822	0,37	1-3	12,53	199	1.614
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V1-01	10.280	16,05	1.650	1.650	0,16	1	0,56	4	22
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V1-02	6.972	12,91	900	900	0,13	1	0,38	2	12
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V1-03	35.693	12,86	4.590	4.590	0,13	1	1,94	11	66
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V1-04	16.645	12,62	2.100	2.100	0,13	1	0,91	7	28
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-01	12.000	12,92	1.550	3.100	0,26	2	0,65	5	30
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-02	22.612	13,71	3.100	6.200	0,27	2	1,23	10	60
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-03	27.190	18,24	4.960	9.920	0,36	2	1,48	16	96
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-04	6.399	14,53	930	1.860	0,29	2	0,35	3	18
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-05	8.188	15,14	1.240	2.480	0,30	2	0,45	4	24
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-06	20.572	15,07	3.100	6.200	0,30	2	1,12	10	60
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-07	19.000	13,05	2.480	4.960	0,26	2	1,03	8	48
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V2-08	20.034	15,47	3.100	6.200	0,31	2	1,09	10	60
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V3-01	2.808	49,07	1.378	4.134	1,47	3	0,15	13	130
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V3-02	4.848	48,10	2.332	6.996	1,44	3	0,26	22	220
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V3-03	5.529	47,93	2.650	7.950	1,44	3	0,30	25	250
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V3-04	2.287	46,35	1.060	3.180	1,39	3	0,12	10	100
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V3-05	5.127	45,48	2.332	6.996	1,36	3	0,28	22	220
	Biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng	V3-06	3.987	45,2	1.802	5.406	1,36	3	0,22	17	170

2.2	Đất ở cao tầng	H1	83.283	12,46	10.375	103.750	1,25	10	4,53	367	1468
	Công trình cao tầng		10.375								
	Đất xây dựng Hồ bơi		5.052								
	Đất cây xanh		49.716								
	Đường dạo, sân bãi đồ xe		17.567								
	Đất xây dựng Bar		573								
3	Đất cây xanh cảnh quan	LA	200.214						10,90		
4	Đất giao thông, bãi xe		78.486						4,27		
4.1	Đường nội Nhon Lý		48.000						2,61		
4.2	Đất giao thông dự án		27.205						1,48		
4.3	Bãi xe	PA-1	2.013						0,11		
4.4	Bãi xe	PA-2	1.268						0,07		
5	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối		34.028	18,51	6.300	12.500	0,37	1-2	1,85		
5.1	Trạm xử lý nước thải	I-1	4.900	2,04	100	100	0,02	1	0,27		
5.2	Bể nước ngầm	I-2	7.036	1,42	100	100	0,01	1	0,38		
5.3	Khu kỹ thuật sân golf	MA	12.175	24,64	3.000	6.000	0,49	2	0,66		
5.4	Khu nhà kỹ thuật 1	T-1	504	29,76	150	150	0,30	1	0,03		
5.5	Khu nhà kỹ thuật 2	T-2	733	20,46	150	150	0,20	1	0,04		
5.6	Khu nhà kỹ thuật 3	T-3	782	19,18	150	150	0,19	1	0,04		
5.7	Khu nhà kỹ thuật 4	T-4	939	15,97	150	150	0,16	1	0,05		
5.8	Khu nhà kỹ thuật 5	T-5	427	35,13	150	150	0,35	1	0,02		
5.9	Khu nhà kỹ thuật 6	T-6	448	33,48	150	150	0,33	1	0,02		
5.10	Khu nhà kỹ thuật 7	T-7	610	24,59	150	150	0,25	1	0,03		
5.11	Khu nhà kỹ thuật 8	T-8	566	26,50	150	150	0,27	1	0,03		
5.12	Khu nhà kỹ thuật 9	T-9	380	39,47	150	150	0,39	1	0,02		
5.13	Khu nhà kỹ thuật 10	T-10	356	42,13	150	150	0,42	1	0,02		
5.14	Khu nhà kỹ thuật 11	T-11	1.412	35,41	500	500	0,35	1	0,08		
5.15	Khu nhà kỹ thuật 12	T-12	760	39,47	300	300	0,39	1	0,04		
5.16	Khu nhà kỹ thuật 13	T-13	2.000	40,00	800	4.000	2,00	5	0,11		
6	Đất bãi biển, mặt nước		301.478						16,41	Không cho thuê	
6.1	Bãi biển	BB	172.845						9,41		
6.2	Mặt nước	W	128.633						7,00		

Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh.

Trần Văn Bình

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn FLC và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng